PHỤ LỤC THEO DÕI SỐ TIỀN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN ĐÃ CHUYỂN SỔ THEO DÕI RIÊNG

10 tháng năm 2024

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tiêu chí	Tổng số tiền chủ động	Chia ra							Tổng số tiền theo yêu cầu	Chia ra						
			Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự		Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số	**8.037.320**	**9.183**	**-**	**-**	**-**	**429.883**	**5.600.240**	**1.998.014**	**65.245.595**	**14.229.372**	**-**	**224.250**	**-**	**6.686.249**	**40.396.850**	**3.708.874**
I	**Cục THADS**	**6.107.910**	-	-	-	-	-	5.600.240	507.670	41.964.281	-	-	-	-		40.396.850	1.567.431
II	**Các Chi cục THADS**	**1.929.410**	**9.183**	**-**	**-**	**-**	**429.883**	**-**	**1.490.344**	**23.281.314**	**14.229.372**	**-**	**224.250**	**-**	**6.686.249**	**-**	**2.141.443**
1	Mường Tè	9.400	-	-	-	-	-	-	9.400	675.000	-	-	30.000	-	645.000	-	-
2	Nậm Nhùn	6.200	-	-	-	-	-	-	6.200	331.338	9.100	-	-	-	153.000	-	169.238
3	Phong Thổ	780.832	-	-	-	-	260.142	-	520.690	1.472.839	566.321	-	-	-	630.400	-	276.118
4	Sìn Hồ	346.423	-	-	-	-	-	-	346.423	44.200	-	-	-	-	-	-	44.200
5	Tam Đường	335.857	-	-	-	-	-	-	335.857	322.100	-	-	-	-	94.900	-	227.200
6	Tân Uyên	169.850	-	-	-	-	38.050	-	131.800	341.440	-	-	-	-	122.483	-	218.957
7	Than Uyên	59.365	9.183	-	-	-	4.375	-	45.807	2.232.337	824.355	-	-	-	532.297	-	875.685
8	Thành Phố	221.483	-	-	-	-	127.316	-	94.167	17.862.060	12.829.596	-	194.250	-	4.508.169	-	330.045

PHỤ LỤC THEO DÕI SỐ VIỆC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN ĐÃ CHUYỂN SỔ THEO DÕI RIÊNG

10 tháng năm 2024

Đơn vị tính: việc

TT	Tiêu chí	Tổng số việc chủ động	Chia ra						Tổng số việc theo yêu cầu	Chia ra						
			Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự		Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số	**86**	**1**	-	-	-	**17**	**6**	**62**	**99**	**7**	-	**6**	-	**33**	**3**	**50**
I	**Cục THADS**	**13**						6	7	19						3	16
II	**Các Chi cục THADS**	**73**	**1**	-	-	-	**17**	-	**55**	**80**	**7**	-	**6**	-	**33**	-	**34**
1	Mường Tè	**3**							3	4			1		3		
2	Nậm Nhùn	**1**	-	-	-	-	-	-	1	6	1	-	-	-	3	-	2
3	Phong Thổ	**19**	-	-	-	-	7	-	12	12	1	-	-	-	2	-	9
4	Sìn Hồ	**6**	-	-	-	-	-	-	6	3	-	-	-	-	-	-	3
5	Tam Đường	**9**	-	-	-	-	1	-	8	5	-	-	-	-	1	-	4
6	Tân Uyên	**11**	-	-	-	-	2	-	9	6	-	-	-	-	4	-	2
7	Than Uyên	**5**	1	-	-	-	1	-	3	22	1	-	-	-	12	-	9
8	Thành Phố	**19**	-	-	-	-	6	-	13	22	4	-	5	-	8	-	5

Biểu số: 12/TK-THAHC
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THEO DÕI THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH
10 tháng năm 2024

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Số bản án, quyết định về vụ án hành chính cơ quan THADS đã nhận chuyển giao từ Tòa án	Tổng số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính phải theo dõi	Chia ra:							Kết quả theo dõi thi hành bản án, quyết định THAHC, trong đó:							Số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã thi hành xong
				Số bản án, quyết định tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện						Số bản án, quyết định khác của Tòa án về vụ án hành chính	Số việc đã ban hành văn bản thông báo tự nguyện THA	Số việc cơ quan THADS đã làm việc với người phải THA	Tổng số quyết định buộc THAHC đã đăng tải công khai	Số vụ việc cơ quan THADS có văn bản kiến nghị xử lý trách nhiệm người không chấp hành án				
				Đã có quyết định buộc THA			Chưa có quyết định buộc THA							Tổng số	Chia ra:			
				Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:							Đã nhận được kết quả xử lý trách nhiệm		Chưa nhận được kết quả xử lý trách nhiệm	
					Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới						Số trường hợp bị xử lý	Số trường hợp không bị xử lý		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng số	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Cục THADS	4	-	-			-							-				
II	Các Chi cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phong Thổ		-	-			-							-				
2	Nậm Nhùn		-	-			-							-				
3	Mường Tè		-	-			-							-				
4	Sìn Hồ		-	-			-							-				
5	Tam Đường		-	-			-							-				
6	Tân Uyên		-	-			-							-				
7	Than Uyên		-	-			-							-				
8	Thành Phố		-	-			-							-				

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lê Thị Kim Sinh

CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Trần Công Hướng

Biểu số: 11/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị, người báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Tình hình thụ lý			Tình hình giải quyết yêu cầu bồi thường										Kết quả thi hành bản án, QĐ GQBT						Kết quả thực hiện trách nhiệm hoàn trả	
			Chia ra:		Tại Cơ quan THADS				Tại Tòa án						Thi hành xong			Chưa thi hành xong				
						Chia ra:				Chia ra:						Chia ra:			Chia ra:				
										Đã có bản án													
												Trong đó:										
		Tổng số	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới	Tổng số	Đã ban hành quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực	Chưa ban hành quyết định giả quyết bồi thường	Người yêu cầu bồi thường khởi kiện theo khoản 2 Điều 52 Luật TNBTCNN	Tổng số	Khởi kiện theo khoản 1 Điều 52 Luật TNBTCNN	Khởi kiện theo khoản 2 Điều 52 Luật TNBTCNN	Chấp nhận yêu cầu khởi kiện	Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện	Chưa có bản án	Tổng số	Đã được cấp kinh phí và chi trả xong	Các trường hợp khác	Tổng số	Chưa ban hành bản án hoặc quyết định giải quyết bồi thường	Đã có bản án hoặc quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực nhưng chưa được cấp kinh phí	Đã thực hiện xong trách nhiệm hoàn trả	Chưa thực hiện xong trách nhiệm hoàn trả
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Tổng số việc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Cục THADS	-			-				-		-				-			-				
II	Các Chi cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phong Thổ	-			-				-		-				-			-				
2	Nậm Nhùn	-			-				-		-				-			-				
3	Mường Tè	-			-				-		-				-			-				
4	Sìn Hồ	-			-				-		-				-			-				
5	Tam Đường	-			-				-		-				-			-				
6	Tân Uyên	-			-				-		-				-			-				
7	Than Uyên	-			-				-		-				-			-				
8	Thành Phố	-			-				-		-				-			-				

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lê Thị Kim Sinh

CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Trần Công Hướng

Biểu số: 10/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM SÁT, KIỂM TRA THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng năm 2024

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục thi hành án dân sự

Số TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả thực hiện báo cáo Giám sát của cơ quan có thẩm quyền (*cuộc*)								Kết quả thực hiện kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân (*cuộc*)							Kết quả thực hiện kiến nghị của Viện Kiểm sát nhân dân (*bản kiến nghị*)							Kết quả kiểm tra (cuộc)	
		Tổng số cuộc giám sát	Chia ra:							Tổng số kháng nghị đã nhận	Chia ra:						Tổng số kiến nghị đã nhận	Chia ra:						Tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ	Kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới
			Cơ quan giám sát				Kết quả thực hiện kết luận giám sát				Kháng nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kháng nghị khác				Kiến nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kiến nghị khác				
			Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ quốc	Khác	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình		
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Tổng số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	8	-	-	-	-	1	18	4
I	Cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	2	1
II	Các Chi cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8	7	-	-	-	-	1	16	3
1	Mường Tè	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1
2	Nậm Nhùn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	2	1
3	Phong Thổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	2	-
4	Sìn Hồ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	2	-
5	Tam Đường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	2	-
6	Tân Uyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-
7	Than Uyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	2	1
8	Thành Phố	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	2	-

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024
NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024
CỤC TRƯỞNG

Trần Công Hướng

Biểu số: 09/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

Đơn vị, người báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng năm 2024

Đơn vị tính: Đơn, Đoàn, Người và Lượt

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng			Đoàn đông người			Lãnh đạo cơ quan tiếp			Số đơn tiếp nhận							Kết quả giải quyết số đơn thuộc thẩm quyền		
											Chia theo nội dung				Chia theo thẩm quyền					
											Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Số đã giải quyết	Số chưa giải quyết chuyển kỳ sau
		Số lượt	Số người	Số vụ việc	Số đoàn	Số người	Số vụ việc	Số lượt	Số người	Số vụ việc		Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh		Thuộc thẩm quyền của cơ quan THA	Thuộc thẩm quyền của cơ quan khác			
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số	4	4	4	-	-	-	-	-	-	4	-	-	4	4	3	1	3	3	-
I	**Cục THADS**	1	1	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	1	1	-	1	1	-
II	**Các Chi cục THADS**	3	3	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	3	2	1	2	2	-
1	Mường Tè	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nậm Nhùn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Phong Thổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Sìn Hồ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Tam Đường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Tân Uyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Than Uyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Thành Phố	3	3	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	3	2	1	2	2	-

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024
NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024
CỤC TRƯỞNG

Trần Công Hướng

Biểu số: 08/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

10 tháng năm 2024

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc và đơn

STT	Tên đơn vị	Xử lý đơn tiếp nhận (Đơn)						Số việc thụ lý (Việc)								Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
								Chia theo thời điểm tiếp nhận		Chia theo nội dung											
										Quyết định về THA		Áp dụng biện pháp cưỡng chế		Áp dụng biện pháp bảo đảm	Nội dung khác	Thu hồi thông báo thụ lý	Đình chỉ giải quyết khiếu nại	Đúng toàn bộ	Đúng một phần	Sai toàn bộ	Chưa giải quyết chuyển kỳ sau
		Tổng số	Lưu đơn	Chuyển đơn	Hướng dẫn, trả lời đơn	Đã thụ lý	Đang xử lý	Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Quyết định THA	Quyết định khác về THA	Biện pháp kê biên, xử lý tài sản	Biện pháp khác								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Tổng số (Khiếu nại)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Tổng số (Tố cáo)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Tổng số (Kiến nghị, phản ánh)	19	-	7	12	-	-														
1	Cục THADS																				
1.1	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Tố cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Kiến nghị, phản ánh	7	-	7	-	-	-														
2	Các Chi cục THADS																				
2.1	Khiếu nại	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Tố cáo	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Kiến nghị, phản ánh	12	-	-	12																
2.1.1	Mường Tè																				
2.1.1.1	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.1.2	Tố cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.1.3	Kiến nghị, phản ánh	1	-	-	1	-	-														
2.1.2	Nậm Nhùn																				
2.1.1.4	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.1.5	Tố cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.1.6	Kiến nghị, phản ánh	-	-	-	-	-	-														
2.1.3	Phong Thổ																				
2.1.1.7	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.1.8	Tố cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.1.9	Kiến nghị, phản ánh	3	-	-	3	-	-														

Biểu số: 07/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, CƯỠNG CHẾ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

10 tháng năm 2024

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc thi hành án đã ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm	Tổng số việc thi hành án có ra quyết định cưỡng chế	Chia ra:		Kết quả thi hành việc đã áp dụng biện pháp cưỡng chế	Chia ra:	
				Cưỡng chế không huy động lực lượng	Cưỡng chế có huy động lực lượng		Đã thi hành xong	Chưa thi hành xong
A		1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	8	24	21	3	24	21	3
I	**Cục THADS**	**1**	8	7	1	8	8	-
II	**Các Chi cục THADS**	7	**16**	**14**	**2**	**16**	**13**	**3**
1	Mường Tè	-	1	-	1	1	1	-
2	Nậm Nhùn	-	-	-	-	-	-	-
3	Phong Thổ	1	1	1	-	1	-	1
4	Sìn Hồ	-	1	-	1	1	-	1
5	Tam Đường	-	1	1	-	1	1	-
6	Tân Uyên	-	-	-	-	-	-	-
7	Than Uyên	3	3	3	-	3	3	-
8	Thành Phố	3	9	9	-	9	8	1

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024
NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024
CỤC TRƯỞNG

Trần Công Hướng

Biểu số: 06/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN VÀ GIẢM NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

10 tháng năm 2024

Đơn vị, người báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Số đề nghị xét miễn		Số đã xét miễn		Số đề nghị giảm		Số đã xét giảm	
		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A		1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	5	31.130	4	27.330	5	30.767	4	27.857
I	**Cục THADS**	-	-	-	-	-	-	-	-
II	**Các Chi cục THADS**	5	31.130	4	27.330	5	30.767	4	27.857
1	Mường Tè	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nậm Nhùn	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Phong Thổ	2	9.979	2	9.979	-	12.872	-	12.872
4	Sìn Hồ	1	8.276	1	8.276	4	15.145	3	12.235
5	Tam Đường	1	3.800	-	-	-	-	-	-
6	Tân Uyên	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Than Uyên	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Thành Phố	1	9.075	1	9.075	1	2.750	1	2.750

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024

CỤC TRƯỞNG

Trần Công Hướng

Biểu số: 05/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

10 tháng năm 2024

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục thi hành án

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:						Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48						
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số	163.777.247	90.021.243	73.756.004	3.398.546	6.023	160.372.678	98.814.774	41.313.187	40.613.542	671.788	27.857	57.501.587	-	61.557.904	-	-	-	119.059.491	41,81%
I	CUc	99.093.905	72.778.685	26.315.220	2.859.454	-	96.234.451	47.161.540	25.317.717	25.274.836	42.881	-	21.843.823	-	49.072.911	-	-	-	70.916.734	53,68%
1	CHV Trần Công Hường	60.204	-	60.204	-		60.204	60.204	60.204	60.204	-	-	-	-	-				-	100,00%
2	CHV Nguyễn Duy Phiên	330.304	-	330.304	-		330.304	330.304	300.304	300.304	-	-	30.000	-	-				30.000	90,92%
3	CHV Phạm Văn Hiến	39.436	-	39.436	-		39.436	39.436	39.136	39.136	-	-	300	-	-				300	99,24%
4	CHV Nguyễn Văn Phòng	36.061.331	28.230.022	7.831.309	100.100		35.961.231	35.241.231	15.916.182	15.916.182	-	-	19.325.049	-	720.000				20.045.049	45,16%
5	CHV Vũ Quốc Hùng	54.977.669	44.548.663	10.429.006	2.013.935		52.963.734	5.723.749	4.132.676	4.132.676	-	-	1.591.073	-	47.239.985				48.831.058	72,20%
6	CHV Nguyễn Khuông Thương	7.374.237	-	7.374.237	745.419		6.628.818	5.515.892	4.618.491	4.575.610	42.881	-	897.401	-	1.112.926				2.010.327	83,73%
7	CHV Nguyễn Chí Công	249.524	-	249.524	-		249.524	249.524	249.524	249.524	-	-	-	-	-				-	100,00%
8	CHV Quách Nguyên Thái	1.200	-	1.200	-		1.200	1.200	1.200	1.200	-	-	-	-	-				-	100,00%
II	**Các Chi cục THADS**	64.683.342	17.242.558	47.440.784	539.092	6.023	64.138.227	51.653.234	15.995.470	15.338.706	628.907	27.857	35.657.764	-	12.484.993	-	-	-	48.142.757	30,97%
1	**Mường Tè**	4.986.520	714.349	4.272.171	62.200	-	4.924.320	4.288.855	1.509.578	1.509.578	-	-	2.779.277	-	635.465	-	-	-	3.414.742	35,20%
1.1	CHV Nguyễn Nam Cường	3.140.811	676.509	2.464.302	22.000		3.118.811	2.571.340	1.130.750	1.130.750			1.440.590		547.471				1.988.061	43,98%
1.2	CHV Đèo Văn Minh	1.845.709	37.840	1.807.869	40.200		1.805.509	1.717.515	378.828	378.828			1.338.687		87.994				1.426.681	22,06%
...	....	-					-	-	-										-	
2	**Nậm Nhùn**	196.900	-	196.900	-	-	196.900	196.900	167.200	167.200	-	-	29.700	-	-	-	-	-	29.700	84,92%
1.3	CHV Đỗ Quốc Khánh	57.900	-	57.900			57.900	57.900	49.400	49.400			8.500						8.500	85,32%
1.4	CHV Lê Bá Linh	80.500	-	80.500			80.500	80.500	59.300	59.300			21.200						21.200	73,66%
...	CHV Bùi Ngọc Linh	58.500	-	58.500			58.500	58.500	58.500	58.500			-						-	100,00%
3	**Phong Thổ**	1.596.163	261.983	1.334.180	20.000	-	1.576.163	1.354.013	646.695	603.344	30.479	12.872	707.318	-	222.150	-	-	-	929.468	47,76%
1.5	CHV Phạm Ngọc Cương	540.035	261.983	278.052			540.035	327.885	283.105	239.754	30.479	12.872	44.780		212.150				256.930	86,34%
1.6	CHV Trần Văn Tùng	1.056.128		1.056.128	20.000		1.036.128	1.026.128	363.590	363.590			662.538		10.000				672.538	35,43%
...	....	-					-	-	-										-	
4	**Sìn Hồ**	1.835.625	399.146	1.436.479	274.866	445	1.560.314	1.538.314	807.919	775.408	20.276	12.235	730.395	-	22.000	-	-	-	752.395	52,52%
1.7	CHV Phan Đình Lâm	1.203.178		1.203.178		300	1.202.878	1.202.878	541.983	541.983			660.895						660.895	45,06%
1.8	CHV Chu Gò Xè	632.447	399.146	233.301	274.866	145	357.436	335.436	265.936	233.425	20.276	12.235	69.500		22.000				91.500	79,28%
...	....	-					-	-	-										-	

Biểu số: 04/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

10 tháng năm 2024

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:					Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 điều 48						
										Thi hành xong	Đình chỉ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số	2.012	198	1.814	17	2	1.993	1.892	1.669	1.663	6	223	-	101	-	-	-	324	88,21%
I	**Cục THADS**	**269**	**39**	**230**	**5**	**-**	**264**	**236**	**198**	**198**	**-**	**38**	**-**	**28**	**-**	**-**	**-**	**66**	**83,90%**
1	CHV Trần Công Hướng	3	-	3	-		3	3	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%
2	CHV Nguyễn Duy Phiên	5	-	5	-		5	5	4	4	-	1	-	-	-	-	-	1	80,00%
3	CHV Phạm Văn Hiển	5	-	5	-		5	5	4	4	-	1	-	-	-	-	-	1	80,00%
4	CHV Nguyễn Văn Phòng	56	15	41	1		55	51	36	36	-	15	-	4	-	-	-	19	70,59%
5	CHV Vũ Quốc Hùng	80	24	56	1		79	64	52	52	-	12	-	15	-	-	-	27	81,25%
6	CHV Nguyễn Khuông Thương	104	-	104	3		101	92	83	83	-	9	-	9	-	-	-	18	90,22%
7	CHV Nguyễn Chí Công	14	-	14	-		14	14	14	14	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%
8	CHV Quách Nguyên Thái	2	-	2	-		2	2	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%
II	**Các Chi cục THADS**	**1.743**	**159**	**1.584**	**12**	**2**	**1.729**	**1.656**	**1.471**	**1.465**	**6**	**185**	**-**	**73**	**-**	**-**	**-**	**258**	**88,83%**
1	**Mường Tè**	**183**	**15**	**168**	**3**	**-**	**180**	**173**	**145**	**145**	**-**	**28**	**-**	**7**	**-**	**-**	**-**	**35**	**83,82%**
1.1	CHV Nguyễn Nam Cường	117	10	107	1		116	111	92	92		19		5				24	82,88%
1.2	CHV Đèo Văn Minh	66	5	61	2		64	62	53	53		9		2				11	85,48%
...	....	-					-	-	-									-	
2	**Nậm Nhùn**	**55**	**-**	**55**	**-**	**-**	**55**	**55**	**46**	**46**	**-**	**9**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**9**	**83,64%**
2.1	CHV Đỗ Quốc Khánh	16	-	16	-	-	16	16	14	14		2						2	87,50%
2.2	CHV Lê Bá Linh	31	-	31		-	31	31	24	24		7						7	77,42%
...	CHV Bùi Ngọc Linh	8	-	8		-	8	8	8	8		-						-	100,00%
3	**Phong Thổ**	**212**	**11**	**201**	**-**	**-**	**212**	**209**	**201**	**200**	**1**	**8**	**-**	**3**	**-**	**-**	**-**	**11**	**96,17%**
3.1	CHV Phạm Ngọc Cương	100	11	89			100	98	92	91	1	6		2				8	93,88%
3.2	CHV Trần Văn Tùng	112		112			112	111	109	109		2		1				3	98,20%

Biểu số: 03/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
10 tháng năm 2024

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục thi hành án

Đơn vị tính: Việc và %, 1.000 VNĐ

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:					Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành							
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Tổng số việc	1.487	102	1.385	9	1	1.477	1.427	1.316	1.315	1		111		50	-	-	-	161	0,92
II	Tổng số tiền	36.180.319	6.676.306	29.504.013	2.852.812	145	#########	#########	#########	#########	27.330	27.857	4.090.358		8.797.678	-	-	-	12.888.036	0,83
1	Án phí, lệ phí	1.927.024	492.693	1.434.331	87.982	145	1.838.897	1.389.633	771.498	770.998	500	-	618.135		449.264	-	-	-	1.067.399	0,56
2	Phạt	5.622.833	1.029.319	4.593.514	1.338.926	-	4.283.907	3.676.807	2.699.448	2.673.177	10.901	15.370	977.359		607.100	-	-	-	1.584.459	0,73
3	Tịch thu, Truy thu	24.122.571	5.148.244	18.974.327	1.425.904	-	#########	#########	#########	#########	15.929	12.487	2.375.850		4.074.997	-	-	-	6.450.847	0,87
4	Thu khác	4.507.891	6.050	4.501.841	-	-	4.507.891	841.574	722.560	722.560	-	-	119.014		3.666.317	-	-	-	3.785.331	0,86

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024

CỤC TRƯỞNG

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ T. LAI CHÂU

Trần Công Hướng

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Chỉ tiêu		Chủ động	Theo yêu cầu
		1	2
1	**Số đình chỉ THA**	**27.330**	644.458
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50	-	-
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50	-	-
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50		634.458
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50	-	-
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50	-	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50	27.330	
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50	-	10.000
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50	-	-
2	**Số hoãn THA**	-	-
2.1	Điểm a khoản 1 Điều 48	-	-
2.2	Điểm b khoản 1 Điều 48	-	-
2.3	Điểm c khoản 1 Điều 48		-
2.4	Điểm d khoản 1 Điều 48	-	-
2.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48	-	-
2.6	Điểm e khoản 1 Điều 48	-	-
2.7	Điểm g khoản 1 Điều 48	-	-
2.8	Điểm h khoản 1 Điều 48		-
2.9	Khoản 2 Điều 48	-	-
2.9.1	Hoãn theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân	-	-
2.9.2	Hoãn theo yêu cầu của Tòa án nhân dân	-	-
3	**Số tạm đình chỉ THA**	-	-
3.1	Khoản 1 Điều 49	-	-
3.1.1	Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	-	-
3.1.2	Tòa án nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	-	-
4.2	Khoản 2 Điều 49	-	-
4	**Số chưa có điều kiện THA theo Điều 44a**	48.938.824	12.619.080
4.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a	48.938.824	12.619.080
4.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a	-	-
4.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a	-	-
4.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-
5	**Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế**	**57.993.520**	**86.690**
5.1	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐTƯ về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo	-	-
5.2	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐ tỉnh, thành phố theo dõi, chỉ đạo	-	-
5.3	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế khác	**57.993.520**	**86.690**
6	**Trường hợp khác**	-	-
6.1	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại, tố cáo	-	-
6.2	Trong thời hạn tự nguyện THA	-	-
6.3	Trở ngại khách quan	-	-
7	**Số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng**	***8.037.320***	*65.245.595*

*Ghi chú: Mục (7) Số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng có sổ theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

* Các ô gạch chéo không thực hiện thống kê

Biểu số: 02/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
10 tháng năm 2024

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục thi hành án dân sự

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:						Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Đ48						
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	**Tổng số**	163.777.247	90.021.243	73.756.004	3.398.546	6.023	160.372.678	98.814.774	41.313.187	40.613.542	671.788	27.857	57.501.587	-	61.557.904	-	-	-	119.059.491	41,81%
I	**Tổng số việc chủ động**	**80.369.791**	**47.480.878**	**32.888.913**	**2.870.812**	**445**	**77.498.534**	**28.559.710**	**23.824.795**	**23.769.608**	**27.330**	**27.857**	**4.734.915**		**48.938.824**	-	-	-	**53.673.739**	83,42%
1	Kinh doanh, thương mại	370.167	21.332	348.835	-	-	370.167	251.153	183.613	183.613	-	-	67.540		119.014	-	-	-	186.554	73,11%
2	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	#DIV/0!
3	Hôn nhân và gia đình	365.698	15.731	349.967	18.000	300	347.398	347.398	335.288	335.288	-	-	12.110		-	-	-	-	12.110	96,51%
4	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	#DIV/0!
5	Dân sự	1.065.487	168.276	897.211	300	-	1.065.187	988.471	598.226	598.226	-	-	390.245		76.716	-	-	-	466.961	60,52%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	57.993.520	42.930.702	15.062.818	1.753.200	-	56.240.320	14.704.658	12.485.662	12.485.662	-	-	2.218.996		41.535.662	-	-	-	43.754.658	84,91%
7	Dân sự trong hình sự	20.574.919	4.344.837	16.230.082	1.099.312	145	19.475.462	12.268.030	10.222.006	10.166.819	27.330	27.857	2.046.024		7.207.432	-	-	-	9.253.456	83,32%
II	**Tổng số việc theo yêu cầu**	**83.407.456**	**42.540.365**	**40.867.091**	**527.734**	**5.578**	**82.874.144**	**70.255.064**	**17.488.392**	**16.843.934**	**644.458**	-	**52.766.672**	-	**12.619.080**	-	-	-	**65.385.752**	24,89%
1	Kinh doanh, thương mại	56.851.413	33.766.290	23.085.123	-	-	56.851.413	51.013.785	11.595.480	11.546.211	49.269	-	39.418.305	-	5.837.628	-	-	-	45.255.933	22,73%
2	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
3	Hôn nhân và gia đình	1.438.970	245.901	1.193.069	90.000	-	1.348.970	1.258.970	896.169	802.503	93.666	-	362.801	-	90.000	-	-	-	452.801	71,18%
4	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
5	Dân sự	21.260.400	6.364.760	14.895.640	4.000	5.578	21.250.822	17.255.294	4.451.765	4.005.666	446.099	-	12.803.529	-	3.995.528	-	-	-	16.799.057	25,80%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	86.690	-	86.690	-	-	86.690	30.518	30.518	30.518	-	-	-	-	56.172	-	-	-	56.172	100,00%
7	Dân sự trong hình sự	3.769.983	2.163.414	1.606.569	433.734	-	3.336.249	696.497	514.460	459.036	55.424	-	182.037	-	2.639.752	-	-	-	2.821.789	73,86%
B	**Ủy thác xử lý tài sản**																			
1	Đơn vị ủy thác đi				-					-										
2	Đơn vị nhận ủy thác			-						-										

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024
NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024
CỤC TRƯỞNG

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ T. LAI CHÂU

Trần Công Hướng

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

	Chỉ tiêu	Chủ động	Theo yêu cầu
		1	2
1	**Số đình THA**	**1**	**5**
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50	-	-
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50	-	-
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50		5
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50	-	-
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50	-	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50	1	
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50	-	-
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50	-	-
2	**Số hoãn THA**	-	-
2.1	Điểm a khoản 1 Điều 48	-	-
2.2	Điểm b khoản 1 Điều 48	-	-
2.3	Điểm c khoản 1 Điều 48		-
2.4	Điểm d khoản 1 Điều 48	-	-
2.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48	-	-
2.6	Điểm e khoản 1 Điều 48	-	-
2.7	Điểm g khoản 1 Điều 48	-	-
2.8	Điểm h khoản 1 Điều 48		-
2.9	Khoản 2 Điều 48	-	-
2.9.1	Hoãn theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân	-	-
2.9.2	Hoãn theo yêu cầu của Tòa án nhân dân	-	-
3	**Số tạm đình chỉ THA**	-	-
3.1	Khoản 1 Điều 49	-	-
3.1.1	Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	-	-
3.1.2	Tòa án nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	-	-
3.2	Khoản 2 Điều 49	-	-
4	**Số chưa có điều kiện THA theo Điều 44a**	**50**	**51**
4.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a	**50**	50
4.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a	-	-
4.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a	-	1
4.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-
5	**Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế**	**57**	**1**
5.1	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐTƯ về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo	-	-
5.2	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐ tỉnh, thành phố theo dõi, chỉ đạo	-	-
5.3.	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế khác	**57**	**1**
6	**Trường hợp khác**	-	-
6.1	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại, tố cáo	-	-
6.2	Trong thời hạn tự nguyện THA	-	-
6.3	Trở ngại khách quan	-	-
7	**Số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng**	**86**	99

*Ghi chú: Mục (7) Số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng có sổ theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

* Các ô gạch chéo không thực hiện thống kê

Biểu số: 01/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
10 tháng năm 2024

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng Cục thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Bản án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
				Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:					Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
										Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Đ48						
											Thi hành xong	Đình chỉ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	**Tổng số**	1.412	2.012	198	1.814	17	2	1.993	1.892	1.669	1.663	6	223	-	101	-	-	-	324	88,21%
I	**Tổng số việc chủ động**	1.340	1.799	111	1.688	10	2	1.787	1.737	1.606	1.605	1	131		50	-	-	-	181	92,46%
1	Kinh doanh, thương mại	8	11	1	10	-	-	11	10	5	5	-	5		1	-	-	-	6	50,00%
2	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	
3	Hôn nhân và gia đình	417	440	2	438	1	1	438	438	431	431	-	7		-	-	-	-	7	98,40%
4	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	
5	Dân sự	55	89	15	74	-	-	89	83	67	67	-	16		6	-	-	-	22	80,72%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	18	57	8	49	-	-	57	51	42	42	-	9		6	-	-	-	15	82,35%
7	Dân sự trong hình sự	842	1.202	85	1.117	9	1	1.192	1.155	1.061	1.060	1	94		37	-	-	-	131	91,86%
II	**Tổng số việc theo yêu cầu**	72	213	87	126	7	-	206	155	63	58	5	92	-	51	-	-	-	143	40,65%
1	Kinh doanh, thương mại	4	13	6	7	-	-	13	11	3	3	-	8	-	2	-	-	-	10	27,27%
2	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Hôn nhân và gia đình	19	60	16	44	2	-	58	54	18	15	3	36	-	4	-	-	-	40	33,33%
4	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Dân sự	26	83	40	43	-	-	83	62	17	16	1	45	-	21	-	-	-	66	27,42%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	-	1	-	1	-	-	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	
7	Dân sự trong hình sự	23	56	25	31	5	-	51	28	25	24	1	3	-	23	-	-	-	26	89,29%
B	**Ủy thác xử lý tài sản**																			
1	Đơn vị ủy thác đi					-					-									
2	Đơn vị nhận ủy thác				-						-									

Lai Châu, Ngày 02 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu Ngày 02 tháng 8 năm 2024

CỤC TRƯỞNG

Trần Công Hướng